

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/DS - ST
Ngày: 24 - 8 - 2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa
Bà Lê Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên
tòa:** Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh
Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2022/TLST-
DS ngày 21/3/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-DS, ngày 18/7/2022 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST- DS ngày 04/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C Việt Nam

Địa chỉ: Số nhà 169, phố L, phường H, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà
Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T -Chức vụ: Tổng giám
đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Vũ Thị M - Chức vụ:
Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Bù Gia Mập “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Thị H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trương Văn M**, sinh
năm 1993;

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị M trình bày:

Ngày 10/4/2012, Ngân hàng C Việt Nam – chi nhánh Ngân hàng C tỉnh Bình Phước - Phòng giao dịch huyện Bù Gia Mập (viết tắt là Ngân hàng) cho hộ bà Thị H vay vốn chương trình Hộ nghèo về nhà ở với số tiền là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng); thời hạn vay 120 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là 10/4/2022, lãi suất thỏa thuận: 3.0%/năm, lãi quá hạn 3.9%/năm, mục đích vay: Xây nhà ở.

Đến ngày 09/6/2019, Ngân hàng tiếp tục cho hộ bà Thị H vay vốn chương trình Hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn với số tiền là 50.000.000 đồng. thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là 09/4/2022, lãi suất thỏa thuận: 9.0%/năm, lãi quá hạn 11,7%/năm, mục đích vay: Chăm sóc điều.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hộ bà H chỉ trả được một phần nợ lãi: Đối với khoản vay 8.000.000 đồng hộ bà H chỉ trả được tiền lãi từ ngày 10/4/2012 đến ngày 21/9/2020 với số tiền 2.058.482 đồng rồi thôi; đối với khoản vay 50.000.000 đồng hộ bà H chỉ trả được tiền lãi từ ngày 09/8/2019 đến ngày 07/7/2020 với số tiền là 4.117.094 đồng rồi thôi. Sau đó hộ bà H không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào khác cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng C Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc bà Thị H và ông Trương Văn M liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 58.000.000 và tiền lãi của cả hai khoản vay tính đến ngày 24/8/2022 là 10.551.810 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn M vắng mặt nên không có bản lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn bà Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ phần trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 116, 117, 119, 429, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C Việt Nam, buộc bà Thị H và ông Trương Văn M liên đới trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc theo hai hợp đồng tín

dụng trên là 58.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Xét thấy:

[1] Đây là vụ án dân sự, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn hiện có địa chỉ và cư trú tại thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập thụ lý và giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn M vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông M và bà H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đến Tòa án để làm việc và tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng ông M bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân C Việt Nam đề nghị bà Thị H và ông Trương Văn M phải liên đới trả số tiền gốc đã vay là 58.000.000 đồng thấy: Để chứng M cho yêu cầu của mình là có căn cứ đối với món vay “Hộ nghèo về nhà ở” nguyên đơn cung cấp giấy đề nghị vay vốn và phương án sử dụng vốn vay ngày 10/4/2012, sổ vay vốn mã khách hàng 5000065876 và mã món vay 6000005000081616 có chữ ký của hai bên và đối với món vay “Hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn” nguyên đơn cung cấp giấy đề nghị vay vốn và phương án sử dụng vốn vay ngày 28/6/2019, sổ vay vốn mã khách hàng 5000065876 và mã món vay 6600000715749386 có chữ ký của hai bên. Ngoài ra, sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án bà H ông M cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định bà Thị H và Trương Văn M có ký hợp 02 đồng tín dụng với nguyên đơn Ngân hàng để vay số tiền 58.000.000 đồng. Hiện nay bà H, ông M chưa trả cho Ngân hàng được bất kỳ khoản tiền nợ gốc nào. Vì vậy, cần buộc bà H, ông M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 58.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Ngân hàng C Việt Nam:

- Đối với khoản vay “Hộ nghèo về nhà ở” các bên có thỏa thuận lãi suất: 0.25%/tháng, lãi quá hạn 03.25%/tháng; hiện bà H, ông M mới chỉ trả được một phần lãi trong hạn (từ ngày 10/4/2012 đến ngày 21/9/2020 với số tiền 2.058.482) đồng và tính đến ngày 24/8/2022 bà H, ông M còn nợ Ngân hàng 464.927 đồng.

- Đối với khoản vay “Hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn” các bên có thỏa thuận lãi suất: 9.00%/năm, lãi quá hạn 11.7%/năm; đối với khoản vay này bà H, ông M mới chỉ trả được một phần lãi trong hạn (từ ngày 09/8/2019 đến ngày 07/7/2020 với số tiền 4.117.094) đồng và tính đến ngày 24/8/2022 bà H, ông M còn nợ Ngân hàng 10.086.883 đồng.

Vì vậy cần buộc bà H, ông M phải trả cho Ngân hàng số nợ lãi còn thiếu của cả 02 khoản vay với số tiền $(464.927 + 10.086.883) = 10.551.810$ đồng là phù hợp.

Mục đích bà H vay tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tại thời điểm vay ông M có ủy quyền cho bà H ký vay vốn. Do đó, cần buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông M cùng với bị đơn bà H liên đới thanh toán tổng số tiền cả gốc và lãi cho Ngân hàng là phù hợp.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thị H và ông M liên đới phải nộp theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng C Việt Nam không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 228 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 429, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 90 và 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C Việt Nam về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Thị H và ông Trương Văn M liên đới trả cho Ngân hàng C Việt Nam, tổng số tiền là: 68.551.810 đồng (*sáu mươi tám triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, tám trăm mười đồng*); Trong đó, nợ gốc là 58.000.000 (năm mươi tám triệu đồng) và nợ lãi là 10.551.810 đồng (*mười triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, tám trăm mười đồng*).

Ngoài ra, bà Thị H và ông Trương Văn M còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/8/2022 theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định trong các hợp đồng tín dụng ký ngày 10/4/2012 và 09/8/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thị H và ông Trương Văn M phải liên đới nộp 3.425.500 đồng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Văn M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải Ly